

Khoảng 22 giờ 45 phút cùng ngày, anh Nguyễn Hoàng Th điều khiển xe mô tô chở anh Phạm Xuân K đi theo hướng Kon Tum - Đắk Lắk. Khi đến thị trấn E, huyện E1, tỉnh Đắk Lắk thì xe bị hỏng nên dừng lại. Cùng lúc, T nhìn thấy anh Th và anh K, nên T đi đến xin tiền nhưng anh Th nói không có thì T, Vũ Quang D xông vào đánh anh Th, còn H dùng côn dọa đánh anh K. Lúc này, T nghĩ đồng bọn đã lấy được tiền, nên để cho anh Th, anh K đi nhưng sau đó biết chưa lấy được tiền nên tất cả đuổi theo. Vũ Quang D điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 47K1-4439 chở T và T1, H điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 47L4-1628 (của N) chở P, D và N đuổi theo anh Th và anh K nhưng do xe nặng, nên H nói Nguyễn Văn D và N xuống đứng chờ. Khi đuổi kịp, T xông vào dùng tay chân đánh anh Th, T1 dùng cục đá đập vào mặt anh Th. Anh Th sợ, nên lấy 100.000 đồng đưa cho T. Sau khi lấy được tiền, T đổ xăng hết 10.000 đồng, vá xe hết 8.000 đồng, còn lại 82.000 đồng.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện E1, tỉnh Đắk Lắk đã thu giữ và nhập kho các vật chứng gồm: 01 xe mô tô biển kiểm soát 47K1-4439; 01 xe mô tô biển kiểm soát 47L4-1628; 82.000 đồng; 01 cục đá hình dạng không xác định (dài 16 cm, rộng 10 cm, dày 05 cm), trên cục đá dính một số chất lỏng màu đỏ đã khô; 01 côn nhị khúc (là 02 ống kim loại dài 31,5 cm, phần dây côn nhị là một đoạn dây bằng kim loại dài 23 cm, gồm 13 khoen); 02 nón bảo hiểm xe máy; 01 áo sơ mi dài tay màu tím có dính vết máu đã khô; 02 áo khoát dài tay màu xám có dính vết máu đã khô.

Đối với xe mô tô biển kiểm soát 47K1-4439 do Vũ Quang D sử dụng làm phương tiện phạm tội là của ông Vũ Quang C1 (là cha ruột của D) làm chủ sở hữu. Ông C1 không biết D sử dụng xe vào mục đích phạm tội, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk đã trả cho ông C1.

Tại Kết luận điều tra số 01/PC14 (Đ5) ngày 05/12/2006, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk đề nghị truy tố Nguyễn Hữu T và đồng phạm về tội “Cướp tài sản” theo Điều 133 của Bộ luật Hình sự.

Tại Cáo trạng số 39/KSĐT-HS ngày 29/01/2007, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk truy tố Nguyễn Hữu T và đồng phạm về tội “Cướp tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 133 của Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 84/2007/HSST ngày 17/4/2007, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk áp dụng điểm d khoản 2 Điều 133 của Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt:

- Nguyễn Hữu T, Nguyễn Đức T1, Vũ Quang D, Nguyễn Văn H mỗi bị cáo 06 năm tù; Đình N 04 năm 06 tháng tù, Nguyễn Văn D 03 năm 06 tháng tù, đều về tội “Cướp tài sản”

- Về biện pháp tư pháp: Chấp nhận gia đình bị cáo Vũ Quang D nộp bồi thường số tiền 300.000 đồng cho anh Th.

Ngoài ra, bản án còn tuyên án phí, quyền kháng cáo.

Trong hạn luật định, các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 703/2007/HSPT ngày 20/8/2007, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng quyết định: Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Đinh N và Nguyễn Đức T1; giữ nguyên bản án sơ thẩm. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn D và đại diện hợp pháp của bị cáo D (ông Nguyễn Thanh H1), tuyên phạt bị cáo Nguyễn Văn D 03 năm tù về tội “Cướp tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 133 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 11/QĐ-VC2 ngày 14/01/2019, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng áp dụng khoản 5 Điều 388 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 84/2007/HSST ngày 17/4/2007 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk theo hướng: Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 xe mô tô biển kiểm soát 47L4-1628 của bị cáo Đinh N sử dụng làm phương tiện phạm tội; 82.000 đồng là tiền do phạm tội mà có; tịch thu tiêu hủy 01 cục đá, 01 côn nhị khúc, 01 nón bảo hiểm công ty ngoại thương Nam Thành Trung màu cà phê sữa, 01 nón bảo hiểm hiệu Amoro màu đen, 01 áo sơ mi dài tay màu tím và 02 áo khoát dài tay màu xám không còn giá trị sử dụng, với lý do: *Những vật chứng trên là phương tiện, công cụ phạm tội liên quan trong vụ án, nhưng không được Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát đề nghị xử lý. Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk cũng không phát hiện để yêu cầu bổ sung xử lý vật chứng trong vụ án là thiếu sót, dẫn đến vật chứng trong vụ án đến nay vẫn chưa được xử lý là vi phạm pháp luật.*

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng chấp nhận kháng nghị giám đốc thẩm của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Theo Biên bản tạm giữ tài sản ngày 17/9/2006; Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu ngày 18/9/2006 và Lệnh nhập kho vật chứng ngày 21/9/2006 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện E1, tỉnh Đắk Lắk thể hiện vật chứng trong vụ án gồm có: 01 xe mô tô biển kiểm soát 47K1-4439; 01 xe mô tô biển kiểm soát 47L4-1628; số tiền 82.000 đồng; 01 cục đá hình dạng không xác định (dài 16 cm, rộng 10 cm, dày 05 cm), trên cục đá dính một số chất lỏng màu đỏ đã khô; 01 côn nhị khúc (là 02 ống kim loại dài 31,5 cm, phần dây côn nhị là một đoạn dây bằng kim loại dài 23 cm, gồm 13 khoen); 02 nón bảo hiểm xe máy; 01 áo sơ mi dài tay màu tím có dính vết máu đã khô; 02 áo khoát dài tay màu xám có dính vết máu đã khô.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, thì việc xử lý vật chứng nêu trên thuộc thẩm quyền của Hội đồng xét xử. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử sơ thẩm lại xác định: *“Vật chứng do Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử lý”*, từ đó không quyết định xử lý vật chứng là thiếu sót.

[2]. Trong số vật chứng thu giữ nêu trên, có chiếc xe mô tô biển kiểm soát 47L4-1628 mà người đứng tên sở hữu là bị cáo Đinh N. Mặc dù, đây là

phương tiện, công cụ phạm tội, cần phải tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước, nhưng tại khoản 1 Điều 379 của Bộ luật Tố tụng hình sự về thời hạn kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm quy định: “*Việc kháng nghị theo hướng không có lợi cho người bị kết án chỉ được tiến hành trong thời hạn 01 năm kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật*”. Vụ án đã được giải quyết xong bằng Bản án hình sự phúc thẩm số 703/2007/HSPT ngày 20/8/2007 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng, nhưng ngày 14/01/2019 (sau 12 năm), Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mới kháng nghị yêu cầu xử lý vật chứng là thuộc trường hợp hết thời hạn kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm; đồng thời, do Tòa án cấp sơ thẩm không quyết định xử lý vật chứng, nên không có căn cứ để Hội đồng giám đốc thẩm sửa án theo hướng: “*Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước 01 xe mô tô biển kiểm soát 47L4-1628 của bị cáo Đinh N sử dụng làm phương tiện phạm tội; 82.000 đồng là tiền do phạm tội mà có; tịch thu tiêu hủy 01 cục đá, 01 côn nhị khúc, 01 nón bảo hiểm công ty ngoại thương Nam Thành Trung màu cà phê sữa, 01 nón bảo hiểm hiệu Amoro màu đen, 01 áo sơ mi dài tay màu tím và 02 áo khoát dài tay màu xám không còn giá trị sử dụng*”. Như vậy, kháng nghị của viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng không có cơ sở, nên không được Hội đồng giám đốc thẩm chấp nhận.

Tuy nhiên, do vật chứng của vụ án chưa được xử lý, nên hiện nay chiếc xe mô tô biển kiểm soát 47L4-1628 vẫn đang thuộc quyền sở hữu của bị cáo Đinh N. Do đó, để giải quyết triệt để vụ án, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự quyết định việc xử lý vật chứng của vụ án này theo đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 382, khoản 1 Điều 388, Điều 389 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Không chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 11/QĐ-VC2 ngày 14/01/2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

2. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 84/2007/HSST ngày 17/4/2007 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

3. Quyết định của Hội đồng giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Đà Nẵng (02 bản);
- TANDTC - Vụ I;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THA dân sự tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo (theo địa chỉ nêu trên);
- Lưu: Phòng GĐKT I (03 bản), HCTP, LTHS.

TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
KT. CHÁNH ÁN
PHÓ CHÁNH ÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Thị Ngọc Hà